

BẢNG TÍNH SỐ LIỆU TIỀN NƯỚC KTX NHÀ K2 NĂM 2015

Tháng 9 năm 2015

Số phòng	Số HS ở phòng	Số đầu kỳ	Số cuối kỳ	Số dư	Đơn giá (11.700*10%)	Thành tiền	Ghi chú
101	8	983	995	12	12.870	154.440	
102	8	548	555	7	12.870	90.090	
103	8	681	691	10	12.870	128.700	
104	8	423	441	18	12.870	231.660	
105	Phòng trực	803			12.870	0	
106	8	722	729	7	12.870	90.090	
107	PSHC	649			12.870	0	
108					12.870	0	
109	8	462	472	10	12.870	128.700	
110	8	506	514	8	12.870	102.960	
111	8	622	648	26	12.870	334.620	
112	8	444	448	4	12.870	51.480	
113	8	443	454	11	12.870	141.570	
114	8	340	348	8	12.870	102.960	
201	8	1107	1124	17	12.870	218.790	
202	8	937	950	13	12.870	167.310	
203	8	803	818	15	12.870	193.050	
204	8	813	825	12	12.870	154.440	
205	8	699	706	7	12.870	90.090	
206	8	689	701	12	12.870	154.440	
207	8	700	716	16	12.870	205.920	
208	8	718	730	12	12.870	154.440	
209	8	581	593	12	12.870	154.440	
210	8	462	471	9	12.870	115.830	
211	8	614	623	9	12.870	115.830	
212	8	529	534	5	12.870	64.350	
213	8	616	629	13	12.870	167.310	
214	8	662			12.870	0	
301	8	656	670	14	12.870	180.180	
302	8	573	584	11	12.870	141.570	
303	8	584	595	11	12.870	141.570	
304	8	569	581	12	12.870	154.440	
305	8	555	565	10	12.870	128.700	
306	8	589	601	12	12.870	154.440	
307	PSHC			0	12.870	0	
308				0	12.870	0	
309	8	512	521	9	12.870	115.830	
310	8	498	508	10	12.870	128.700	

311	8	499	517	18	12.870	231.660
312	8	545	554	9	12.870	115.830
313	8	600	612	12	12.870	154.440
314	8	538	547	9	12.870	115.830
401	8	537	546	9	12.870	115.830
402	8	435	451	16	12.870	205.920
403	8	437	449	12	12.870	154.440
404	8	388	401	13	12.870	167.310
405	8	402	406	4	12.870	51.480
406	8	442	452	10	12.870	128.700
407	8	505	512	7	12.870	90.090
408	7	706	715	9	12.870	115.830
409	8	394	401	7	12.870	90.090
410	8	543	556	13	12.870	167.310
411	8	410	416	6	12.870	77.220
412	8	412	420	8	12.870	102.960
413	8	457	474	17	12.870	218.790
414	7	491	496	5	12.870	64.350
501	8	283	293	10	12.870	128.700
502	8	406	417	11	12.870	141.570
503	7	660	674	14	12.870	180.180
504	8	422	436	14	12.870	180.180
505	8	464	473	9	12.870	115.830
506	8	309	318	9	12.870	115.830
507	8	470	478	8	12.870	102.960
508	8	403	409	6	12.870	77.220
509	7	395	405	10	12.870	128.700
510	8	362	370	8	12.870	102.960
511	8	231	246	15	12.870	193.050
512	8	322	330	8	12.870	102.960
513	8	268	277	9	12.870	115.830
514	8	239	245	6	12.870	77.220
Cộng	516			683		8.790.210

(Bằng chữ: Tám triệu bảy trăm chín mươi nghìn hai trăm mười đồng)

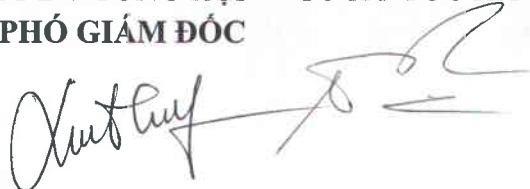
PHÒNG QUẢN TRỊ PV
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

TT DV TỔNG HỢP
PHÓ GIÁM ĐỐC

TỜ KÝ TỨC XÁ

NGƯỜI ĐỌC SỐ

NGƯỜI LẬP



ThS. Ngô Xuân Hoà

ThS. Lê Xuân Hưng

Trần Xuân Nam

Dương Văn Thanh

Trần Thị Hà